TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST Ngày: 10-4-2018 V/v: "Ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Nhuận

Bà Trần Thị Thuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thuỳ Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Dương – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên**.**

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Dương - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm: 1981

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

Bị đơn: Anh Lê Danh T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng**.** *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh Lê Danh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T thường xuyên đi uống rượu say về chửi và đánh đập chị, nhiều lần chị phải nhờ tổ dân phố, Công an thị trấn xuống can thiệp nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị cũng đã gửi đơn ra Toà sau đó được Toà án động viên,

hoà giải chị lại rút đơn nhưng cũng không cải thiện được. Từ tháng 8/2017 cho đến nay chị đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để các bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Danh T, sinh ngày 01/8/1999 và Lê Danh K, sinh ngày 11/10/2007, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu toà án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh T thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung, chị và anh T không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Danh T trình bày: Anh và chị Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn , quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không rõ lý do, thỉnh thoảng anh có đi uống rượu say về chửi chị Đ chứ anh không đánh đập. Từ tháng 8/2017 cho đến nay chị Đ đã ra ngoài thuê phòng trọ ở. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Đ nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong chị Đ suy nghĩ lại để quay về chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Về con chung anh xác định có 02 con chung như chị Đ đã trình bày, trường hợp chị Đ cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu cháu K có nguyện vọng được ở với chị Đ thì anh cũng đồng ý, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu toà án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị Đ thống nhất để vợ chồng tự thoả thuận giải quyết với nhau nên anh không yêu cầu Toà án xem xét. Về nợ chung, vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Chị Phạm Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T; về con chung chị Đ yêu cầu được nuôi cháu Lê Danh K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, để vợ chồng tự thoả thuận giải quyết với nhau. Về nợ chung không có nên chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết

Anh Lê Danh T không đồng ý ly hôn. Nếu chị Đ cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Danh K, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, để vợ chồng tự thoả thuận giải quyết với nhau. Về nợ chung không có nên anh không yêu cầu Toà án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh T và giao con chung là Lê Danh K cho chị Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án xem xét, về nợ chung không có nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đ và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên toà, chị Đ xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị Đ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng do vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập chị Đ, nhiều lần tổ dân phố, Công an thị trấn xuống can thiệp nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, xô sát nên từ tháng 8/2017 chị Đ đã chuyển ra ngoài sinh sống. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là Lê Danh T, sinh ngày 01/8/1999 và Lê Danh K, sinh ngày 11/10/2007, khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu K. Xét thấy, hiện nay cháu K đang được chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng và cháu K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, vì vậy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Lê Danh K cho chị Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Đối với cháu T đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Đ và anh T thống nhất để vợ chồng tự thoả thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Đ, xử cho chị Phạm Thị Đ và anh Lê Danh T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Lê Danh K, sinh ngày 11/10/2007 cho chị Phạm Thị Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2015/0001853 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Dương, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2018) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Ban tư pháp xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; bộ phận lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thuý Ngọc